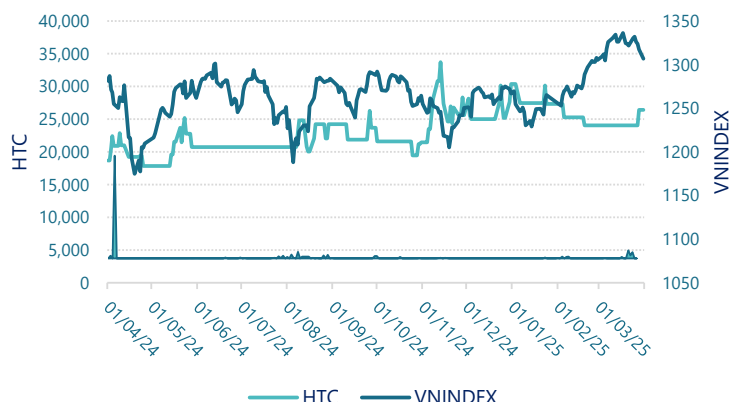


CTCP Thương mại Hóc Môn (HNX: HTC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	26,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	33,715
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	17,845
SL cổ phiếu LH	16,499,993
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,414
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	442
P/E	14.7
EPS	1,828

DT thuần

Q1/25

246

tỷ VNĐ

QoQ: ▼16.0 | -6.0%

YoY: ▲ 8.00 | 3.5%

LN sau thuế

Q1/25

7.70

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.29 | -14.4%

YoY: ▼0.48 | -5.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

4.0%

+/- YoY: ▼ 1.7%

DT thuần

2024

1,015

tỷ VNĐ

YoY: ▼27.0 | -2.6%

LN sau thuế

2024

30.7

tỷ VNĐ

YoY: ▼15.5 | -33.6%

ROE

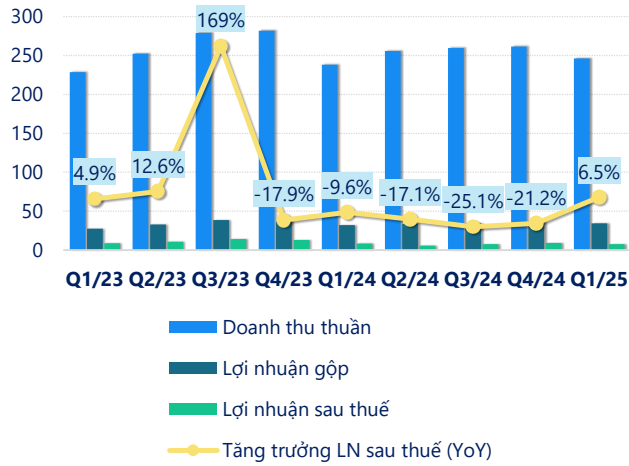
2024

10.4%

+/- YoY: ▼ 5.6%

tỷ VNĐ

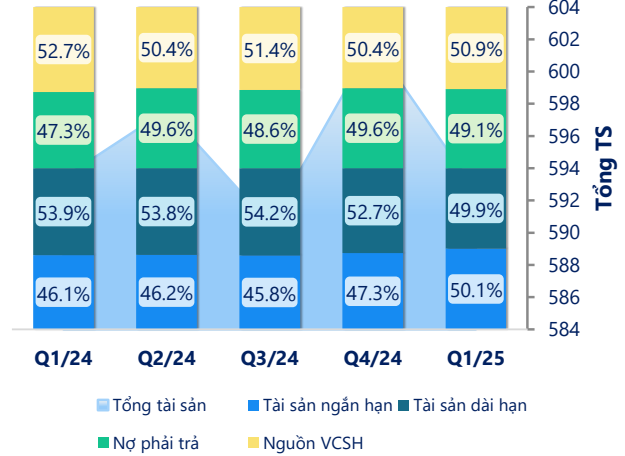
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

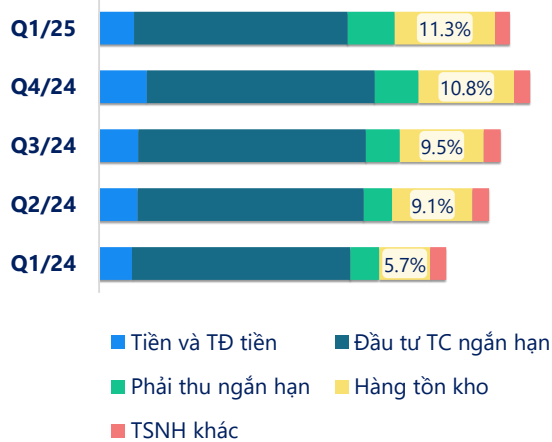
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



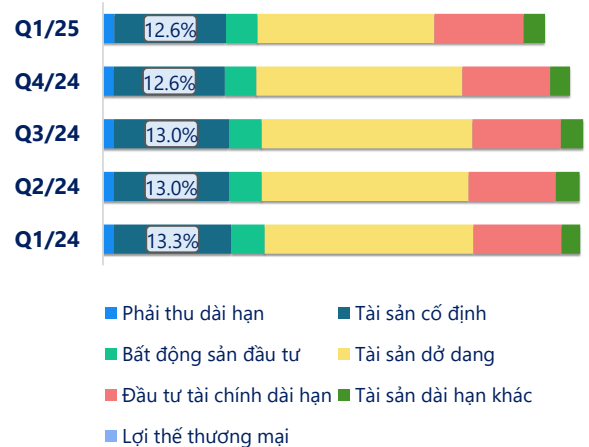
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

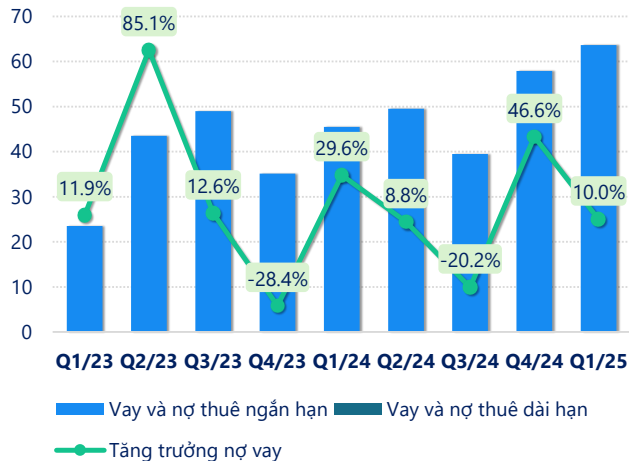
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

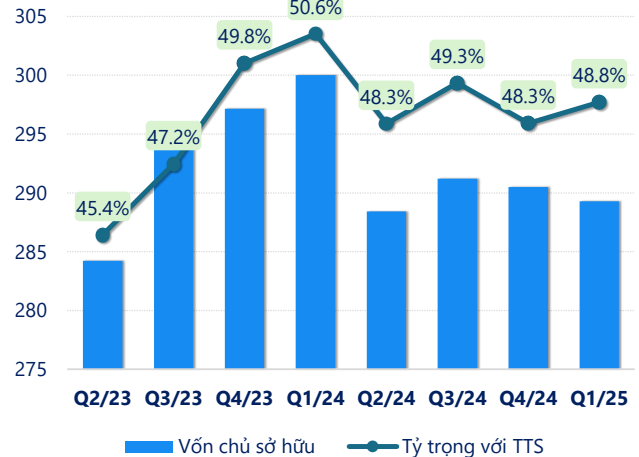
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



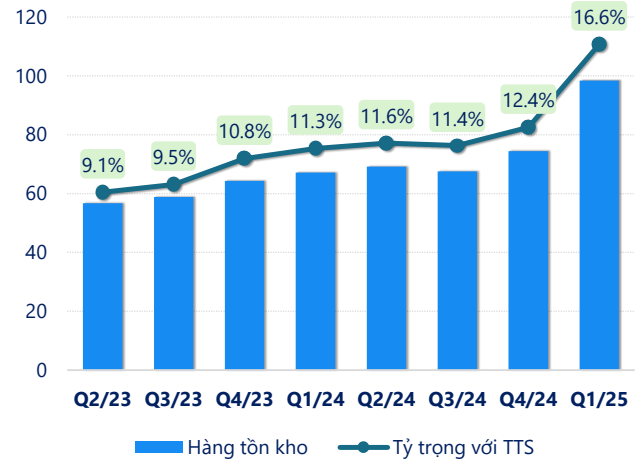
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn

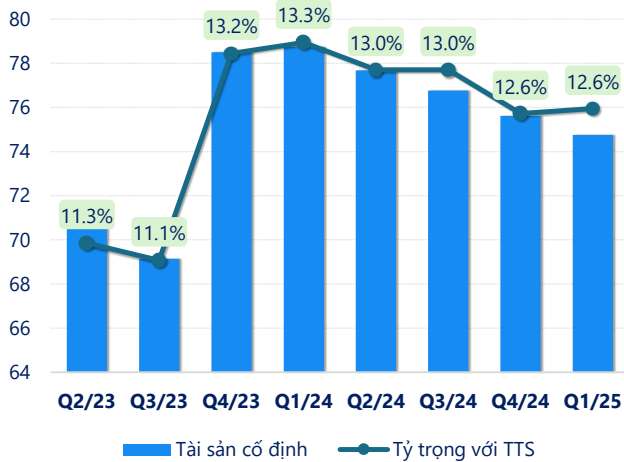

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


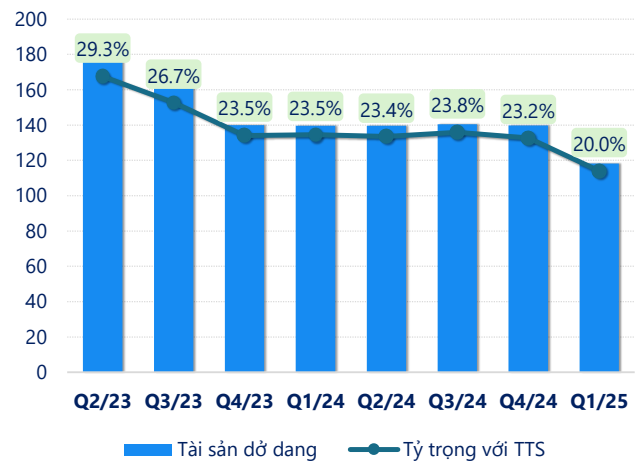
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

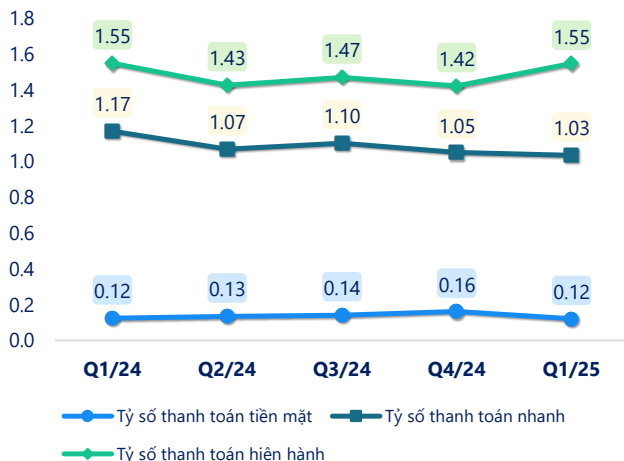
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

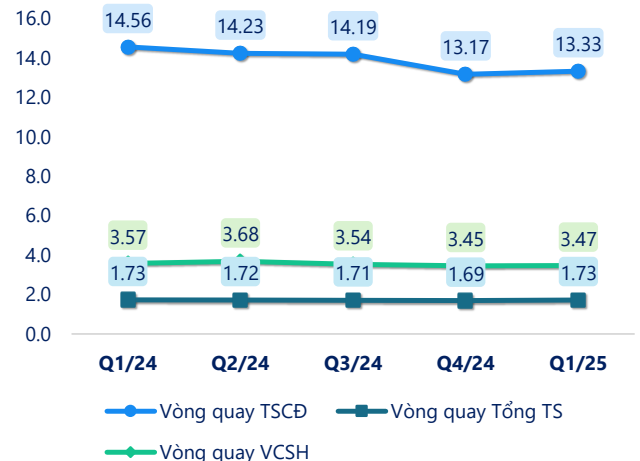
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	593	598	591	602	593
Tài sản ngắn hạn	274	276	271	285	297
Tiền và tương đương tiền	22.0	26.1	26.1	32.4	23.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	143	141	141	147	141
Phải thu ngắn hạn	31.5	28.3	27.8	23.1	26.4
Hàng tồn kho	67.1	69.2	67.6	74.4	98.4
Tài sản ngắn hạn khác	10.1	11.2	7.84	8.14	8.26
Tài sản dài hạn	320	321	320	317	296
Phải thu dài hạn	7.25	7.25	7.25	7.25	7.61
Tài sản cố định	78.7	77.7	76.8	75.6	74.7
Bất động sản đầu tư	22.4	22.1	21.7	21.4	21.1
Tài sản dở dang	140	140	140	140	118
Đầu tư tài chính dài hạn	59.0	58.7	58.8	59.5	59.7
Tài sản dài hạn khác	12.5	16.1	15.0	13.5	14.2
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	281	297	287	299	291
Nợ ngắn hạn	177	193	184	200	192
Vay và nợ thuê ngắn hạn	45.5	49.5	39.5	57.9	63.7
Phải trả người bán ngắn hạn	14.0	19.2	13.6	15.4	15.9
Nợ dài hạn	104	103	103	98.7	98.9
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	313	301	304	303	302
Vốn chủ sở hữu	300	288	291	291	289
Vốn điều lệ	165	165	165	165	165
Kinh phí và quỹ khác	12.5	12.5	12.5	12.5	12.5

(Nguồn: fireant.vn)